

Đặc trưng ngôn từ trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng

Hoàng Thị Duyên *

Tóm tắt: Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng ở góc độ ngôn từ có tính chất đa dạng mà thống nhất. Tính chất đa dạng bộc lộ rõ ở chỗ yếu tố lý trí của ngôn từ triết lý kết hợp với yếu tố cảm xúc trữ tình sâu lắng. Song hành với đặc điểm trên, trong ngôn từ nhật ký Nguyễn Huy Tưởng còn có tính chất hướng nội, tính chân thực xác tín, sự giản dị, chất tạo hình,...

Từ khóa: Nguyễn Huy Tưởng; ngôn từ; nhật ký; cảm xúc trữ tình; hướng nội.

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học bởi khả năng mã hóa thông tin bên trong lớp vỏ bọc của kí hiệu ngôn từ. Khi tiếp cận với bất kỳ tác phẩm văn học nào, người ta cũng phải bắt đầu từ lớp ngôn từ để đi sâu vào lớp hình tượng và thấy được lớp hàm nghĩa. Với quy trình ấy thì việc tìm hiểu ngôn từ là việc làm có ý nghĩa thiết thực khi tiếp cận tác phẩm văn học, đặc biệt với một tác phẩm ở loại hình ký. Nhật ký là một thể loại văn học tuy không còn mới mẻ nhưng lại chưa được nghiên cứu một cách thỏa đáng. Đặc biệt, những năm gần đây, sự xuất hiện một số cuốn nhật ký chiến tranh đã tạo nên hiệu ứng xã hội rộng lớn. Trong bối cảnh đó, năm 2006, bộ nhật ký Nguyễn Huy Tưởng được xuất bản đã thu hút được sự quan tâm đông đảo của giới nghiên cứu cũng như công chúng yêu văn học. Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu ngôn từ trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng một mặt có ý nghĩa thiết thực đối với việc tìm hiểu về đặc trưng thể loại, mặt khác qua đó còn thấy được thực tiễn sáng tác của nhà văn, con người đáng kính của ông qua 30 năm cầm súng và miệt mài lao động nghệ thuật. Song, trên hết, những trang nhật ký quý giá này vẫn có

ý nghĩa tỏa sáng cho thế hệ trẻ trên nhiều phương diện như đạo đức, lý tưởng sống, trách nhiệm nghề nghiệp và hơn hết là trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc. Những trang nhật ký ghi chép cá nhân hàng ngày của ông đã vượt khỏi tính chất của một cuốn nhật ký thông thường để trở thành nhật ký văn học bởi tính nghệ thuật của nó. Tính nghệ thuật này có thể biểu hiện rõ nét ở ý thức của nhà văn trong việc kiến tạo diễn ngôn “sự thật”, hoặc thể hiện qua một cái nhìn mỹ học về những sự việc hàng ngày trong đời sống, và rõ nhất là ở sự gia công, trau chuốt ngôn từ để đạt đến tính thẩm mỹ.

2. Ngôn ngữ hướng nội

Do sự quy định của đặc trưng thể loại nhật ký, ngôn ngữ độc thoại nội tâm được xem như là yếu tố thứ nhất có vai trò chủ chốt trong việc hình thành thế giới mà người viết đã tạo nên. Nếu ngôn ngữ ở nhật ký thông thường chỉ dừng lại ở việc thuật lại sự việc hàng ngày một cách tuần tự, máy móc thì ngôn ngữ trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng lại hoàn toàn khác. Đó là một dạng ngôn ngữ hướng nội và đa sắc thái.

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
ĐT: 0978869380. Email: duyensp2@gmail.com.

Ngôn ngữ hướng nội cần hiểu là khuynh hướng ngôn ngữ chủ yếu hoặc hoàn toàn quan tâm đến đời sống, nội tâm của bản thân người viết và đích trần thuật trước hết là hướng đến chính chủ thể trần thuật. Nhiệm vụ hàng đầu của loại ngôn ngữ này là hướng tới thế giới nội tâm con người và làm nổi bật cái “tiểu vũ trụ” thu nhỏ của bản thân người đó. Trong nhật ký nói chung và nhật ký Nguyễn Huy Tưởng nói riêng, hầu hết các trang viết đều hướng đến bản thân người viết, thuộc về cá nhân người viết. Đó là những tâm tư, những thổ lộ mang đậm chất riêng tư. Qua mỗi trang nhật ký, ta như mở ra thêm một ô cửa mới để khi trang cuối cùng khép lại, ta đã hoàn thành việc chiếm lĩnh một bức chân dung hoàn chỉnh về một người công dân yêu nước, một người nghệ sĩ đa tài, một người con, một người chồng, một người cha,... trong gia đình mà ở tư cách nào ông cũng xứng đáng là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ noi theo.

Nguyễn Huy Tưởng viết nhật ký là để tự giải bày. Hồi ức nhiều bạn bè, người thân của ông đều thống nhất ở một điểm: ông là người cả nghĩ nhưng vụng nói, vụng ứng xử. Đời văn của ông cũng lắm gian truân, vui ít buồn nhiều,... May sao, nhật ký là nơi ông ký thác được những tâm sự của mình một cách thoải mái nhất, thành thực nhất, sòng phẳng nhất. Nhật ký một ngày tháng 3 năm 1932 của ông có đoạn: “Tôi nhiều bạn, nhưng bạn yêu nhất của tôi tức là tôi vậy”. Và ông đã tìm đến người bạn này - tâm sự với chính mình - trong những trang nhật ký. Mà đã là với bạn, hơn nữa, bạn yêu nhất của mình thì còn có điều gì phải e ngại.

Cũng bởi tính chất hướng nội (hướng vào chính nội tâm, tâm hồn mình) mà nhật ký Nguyễn Huy Tưởng luôn xuất hiện đại từ “Tôi” với tần suất dày đặc: “Tôi” xuất

hiện mọi lúc, mọi nơi, với nhiều trạng thái cảm xúc. “Tôi kể giao du với bạn thì nhiều. Ai kết bạn với tôi lúc đầu cũng có ý yêu mến tôi, mà tôi với người ấy lúc đầu cũng thân ngay. Vậy mà càng lâu, thì hai người càng gần nhau, lại càng xa cái lòng thân tín... Vậy đối với bạn, ta không nên có lòng cương cường quá, nên xử nhũn, nên chịu lỗi vào mình” (Nhật ký ngày 6 tháng 1 năm 1933). “Tôi có nhiều tư tưởng, tôi muốn có danh để tô mặt với đời, vậy mà tôi không có một chút nghị lực nào để thi hành cái mộng tưởng của tôi. Tôi sống rụt rè quá... Tôi không sống, nói cho đúng là tôi sống một cuộc đời không đáng sống, nghĩa là một cuộc đời không hoạt động chút nào. Tôi lãnh đạm vô cùng” (Nhật ký ngày 27 tháng 7 năm 1936).

Những dòng độc thoại nội tâm trên góp phần tái hiện lại hiện thực tâm trạng của chủ thể trần thuật trong tác phẩm. Thông qua lời độc thoại, công chúng tiếp nhận sẽ hiểu rõ những góc khuất tâm trạng, những mâu thuẫn tâm lý được hình thành góp phần hoàn thiện cái tôi đa diện trong tác phẩm. Sẽ thật không mấy thú vị nếu như ta chỉ nhìn vào những lời đối thoại hay diễn cảnh ở bề nổi của văn bản. Sẽ không thể hiểu hết bản chất của vấn đề nếu như chủ thể phát ngôn chỉ diễn xướng phần âm thanh mà bỏ qua tiếng nói của tâm trạng hay những ẩn khuất bên trong khó chạm tới chứa đằng sau sự xuề xòa dễ dãi. Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng với những dòng ghi chép chân thực, hướng nội đã giúp bạn đọc thấy được cái “tiểu vũ trụ” thu nhỏ ẩn chứa bên trong chân dung giản dị của nhà văn.

3. Ngôn ngữ giàu cảm xúc

Có thể nói, cảm xúc chính là một đặc điểm quan trọng trong ngôn ngữ nhật ký của Nguyễn Huy Tưởng. Là một người đam mê với văn chương, một lòng chuyên tâm

sáng tác, tâm hồn bay bổng, Nguyễn Huy Tưởng trong suốt quãng đời của mình đã cho ra đời nhiều tác phẩm giàu giá trị, giàu ý nghĩa. Tên tuổi của ông cho đến hôm nay vẫn sáng mãi trong lòng bạn đọc nhiều thế hệ. Những trang nhật ký của ông bằng ngôn ngữ trữ tình sâu lắng; những trang viết về mẹ, về vợ, về bạn bè đồng nghiệp, anh em dạt dào cảm xúc; những trang ca ngợi cảnh trí của đất nước trữ tình bay bổng... đã để lại ấn tượng mạnh mẽ trong lòng bạn đọc.

Suốt đọc hơn 1.700 trang nhật ký của Nguyễn Huy Tưởng, ta bắt gặp rất nhiều từ, cụm từ và câu cảm thán biểu hiện cảm xúc như: yêu, thương, nhớ, yêu quý, than ôi, trời ơi, hỡi ơi, hỡi ôi... Chẳng hạn: “Mẹ ơi! Con thương mẹ lắm. Ngắm cảnh mưa xa, trông về quê hương mà tấm lòng rộn rã. Mẹ ta đương làm gì? Có lẽ đương lo chạy gạo, đương đi vay tiền. Mà tuổi già sáu mươi, mà mắc bệnh tê thấp... Đối với tôi, chỉ có tình mẹ là tuyệt đích. Tôi yêu mà tôi bất hiếu” (Nhật ký ngày 25 tháng 10 năm 1934); “Em hỡi em, anh là một người, nghĩa là có nhiều tính xấu, nhưng trong vườn lòng anh, em sẽ thấy nhiều bông hoa thơm. Trên bến hôn nhân, anh đứng đợi thuyền mơ! Trời thu xanh ngắt, thuyền em nhẹ gió xuôi dòng, trên buồm đỏ, đôi chim câu bạch đậu. Chìa tay ra đón, em Uyên, anh ôm em trong hai cánh tay. Nhìn trời, sung sướng, anh ấm em quên hết nỗi đường trường... Vai anh mang nặng, nhưng kho tàng trên vai là Uyên yêu quý, anh thấy nhẹ như lông hồng. Em là gánh nặng cho anh, nhưng là gánh nặng mà anh vui lòng, nức chí chia vai” (Nhật ký ngày 24 tháng 2 năm 1940); “Tôi sắp ra về. Nghĩ đến chị mà thương... Tôi thương chị tôi quá, chị tôi cười nói tôi cũng thương, chị tôi ấm đứa con rù rụ nằm trong chăn tôi lại càng thương nữa” (Nhật ký ngày 11 tháng 9 năm 1933)...

Những trang nhật ký giàu cảm xúc đã hé lộ cho chúng ta biết về con người của Nguyễn Huy Tưởng, một người giàu tình cảm, một người con hiếu thảo, một người em thương chị hết mực, một người chồng mẫu mực, một người cha thương con, một người bạn chân thành, sâu sắc. Bản chất giàu xúc cảm này cũng là tiền đề để tạo nên năng lực và phẩm chất của một nhà văn lớn.

4. Ngôn ngữ giàu tính triết lý

Ngôn ngữ trong Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng rất giàu ý nghĩa triết lý. Tính triết lý này phảng phất trong toàn bộ nhật ký nhưng tần suất xuất hiện dày đặc ở phần “Nhật ký tư tưởng”. Trong phần này, tất cả những quan điểm, tư tưởng của nhà văn đã được thể hiện một cách sắc nét dưới dạng ngôn từ giàu chất triết luận. Những vấn đề triết lý ở đây cũng rất đa dạng, từ khái quát đến cụ thể. Từ triết lý về cuộc đời, về quy luật tạo hóa, đến triết lý về tôn giáo, con người, lý tưởng sống, thơ, văn, nghệ sĩ,... đều được Nguyễn Huy Tưởng nghiền ngẫm và đúc kết qua những trải nghiệm thấm thía. Đây là những dòng triết lý về quy luật tạo hóa: “Việc gì cũng có đầu, có cuối; người ta có trẻ, có già, trên đời có ngày có tối, mặt đất có lúc mới lúc sau; quả đất có hợp có biến, văn minh có lập rồi có tan. Giữa thời đầu thời cuối, ở giữa có một thời cực mạnh; trẻ thì ngơ ngẩn, già thì hiền lành, người nhớn thì hăng hái...” (Nhật ký ngày 13 tháng 5 năm 1931).

5. Ngôn ngữ chân thực xác tín

Do đặc thù viết cho mình, hướng tới mình nên trong những trang nhật ký, người viết luôn là chính mình mà không bị ràng buộc bởi bất kì thể lực hay chế độ nào. Lúc ấy là lúc tác giả đã ghi lại những dòng chữ mang giá trị lịch sử và giá trị tư liệu quý giá.

Chẳng hạn, trong nhật ký ngày 24 tháng 8 năm 1951, Nguyễn Huy Tưởng thổ lộ:

“Không thú cảnh khu Ba. Ở khu Ba, cuộc sống quá khó khăn, có những người đã lưu manh hóa. Do hậu quả của bom đạn, bão lụt, cuộc sống quá khổ cực nên con người ta trở nên xấu”. Không chỉ có vậy, ông còn quan sát và ghi chép lại một cách chân thực tình hình trong nước, tình hình thế giới vào những trang nhật ký của mình. Chẳng hạn, “cuộc cải cách đợt 5, đáng lẽ làm cho nhân dân phấn khởi thì đã gây bao nhiêu xót thương” (Nhật ký ngày 9 tháng 7 năm 1956); “Tình hình khó khăn. Không khí nặng nề. Nông thôn căng thẳng. Thành phố nhôn nhao vì vấn đề hộ khẩu. Chính sách kinh tế tài chính có nhiều khuyết điểm. Công nhân mỗi mệt” (Nhật ký ngày 20 tháng 7 năm 1956); “Cảm thấy một sự gì oi bức trong đời sống. Cán bộ còn chặt vật thể này, thì nhân dân bị ràng buộc biết mấy. Đời sống ở các khu chưa được bình thường” (Nhật ký ngày 5 tháng 7 năm 1956)...

Trong những trang nhật ký được viết từ gan ruột, Nguyễn Huy Tưởng đã tỉ mỉ ghi chép lại biết bao sự kiện, biến động dồn dập không chỉ với cá nhân mà còn với thời đại bằng thứ ngôn từ chân thực và xác tín. Chẳng hạn, những vấn đề như: Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất, những cuộc tranh luận văn nghệ... Đây là những sự kiện quan trọng được nhà văn tái hiện khá đầy đủ với vị thế của một người trong cuộc. Trước những vấn đề bức xúc của đất nước, những sự kiện phức tạp trong và ngoài văn nghệ, với trách nhiệm của người nghệ sĩ - công dân, Nguyễn Huy Tưởng đã lên tiếng bằng nhiều cách, như viết bài tùy bút *Một ngày chủ nhật* một thời gây dư luận, hoặc thậm chí viết thư thẳng cho những người có trách nhiệm như các ông Trường Chinh, Lê Liêm, Hồ Viết Thắng... Nhưng vẫn còn không ít những nỗi niềm không thể nói ra, ông trút cả vào nhật

ký. Hơn 40 tập nhật ký viết tay (tương ứng với 3 tập nhật ký xuất bản) chính là phản ảnh của một tâm hồn không bình lặng, luôn trăn trở suy tư về cuộc sống. Những vấn đề này được nhìn nhận một cách khách quan và thẳng thắn mà ít có thể loại nào có thể đạt tới độ chân thực như vậy.

Mục đích của nhật ký là giao lưu với chính mình, là tiếng nói phân thân của người viết, bởi vậy tính riêng tư, tính xác thực là yếu tố khiến nhật ký thu hút hơn các thể loại tự sự, trữ tình hay kịch, cũng là lý do để nhật ký tồn tại. Hơn bao giờ hết, những bí mật của người khác, nhất là những góc khuất chưa được công bố của sự kiện hay nhân vật mang tầm ảnh hưởng xã hội vẫn luôn khơi gợi trí tò mò nhất của bạn đọc và công chúng. Về mặt này, Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng đã mở ra biết bao thông tin quý giá về một thời đại gian khổ, hào hùng nhưng cũng còn biết bao vấn đề mà đến nay chúng ta phải thẳng thắn nhìn lại. Có lẽ chính yếu tố này cũng là một trong những lý do tạo nên sức hút trong nhật ký của ông.

Sức thu hút của nhật ký văn học không chỉ phụ thuộc vào cảm xúc của cái “Tôi” trước hiện thực đời sống đang xảy ra mà còn chịu sự chi phối của khuynh hướng thẩm mỹ cũng như đạo đức của người viết. Yếu tố tâm tình, trò chuyện biểu cảm của cái tôi trong nhật ký là một trong những điều ta không thể phủ nhận. Vì thế, cái “Tôi” trong nhật ký văn học không đơn thuần chỉ ghi chép máy móc, thụ động về hiện thực cuộc sống và con người, mà cái “Tôi” ấy còn phải có khả năng sáng tạo nghệ thuật. Dường như ông có một sự ý thức thường trực về điều này, vì thế nhật ký Nguyễn Huy Tưởng không chỉ đảm bảo tính xác thực của đối tượng miêu tả mà còn là tiếng nói của cảm xúc.

6. Ngôn ngữ dẫn vật, tra vấn

Nhật ký là hình thức tự sự ở ngôi thứ nhất được thực hiện dưới dạng những ghi chép hàng ngày theo thứ tự ngày tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến. Nhật ký là thể loại độc thoại, song lời độc thoại của tác giả hoặc nhân vật lại có thể là cuộc đối thoại ngầm với chính mình về con người và cuộc đời nói chung và về chính bản thân mình nói riêng.

Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng xuất hiện rất nhiều đoạn độc thoại mang dáng dấp của đối thoại với ý thức dẫn dắt, tra vấn. Vốn là người cả nghĩ, lại luôn có trách nhiệm với công việc, với cuộc sống, không khi nào Nguyễn Huy Tưởng thanh thản bằng lòng với mình. Bởi thế những trang nhật ký của ông luôn thể hiện sự băn khoăn, lo lắng, áy náy, tra vấn...

Nguyễn Huy Tưởng thường đặt mình trong trạng thái dẫn vật không yên. Đọc nhật ký của ông, ta thấy ông luôn trăn trở về trách nhiệm làm con mà chưa báo hiếu được mẹ già. Ông day dứt đến khổ sở khi đã tốt nghiệp Thành chung mà vẫn phải xin mẹ từng đồng để mua giấy. Có lúc ông lại áy náy vì thương chị mà lực bất tòng tâm. Cũng có lúc ông lại cảm thấy có lỗi với vợ vì mình nóng giận. Với nhân dân, ông tự trách cứ mình rằng đã đi “ba cùng” với bà con nông dân nhưng có lúc vẫn phải ra ngoài ăn bát bún riêu vì lo lắng cho sức khỏe bản thân... Song, có lẽ sự dẫn vật lớn nhất là sự trăn trở của người nghệ sĩ về chất lượng tác phẩm nghệ thuật của mình. Sự băn khoăn này ta có thể bắt gặp trong bất cứ tập nhật ký nào trong chặng đường cầm bút của ông. Ông đã nghiêm túc đến khắc kỷ đối với bản thân để đòi hỏi mình phải không ngừng nỗ lực hơn nữa nhằm tạo ra những tác phẩm có chất lượng. Đây là sự

trăn trở của một người cầm bút luôn đặt ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp lên trên hết.

Ngôn từ dẫn vật, tra vấn đã mở ra trước mắt bạn đọc một cái tôi với một tâm hồn không bình lặng. Trong cái tôi ấy luôn chứa đựng những mâu thuẫn nội tại, những cuộc tranh đấu về tư tưởng, những cuộc vượt thoát khỏi giới hạn của mình để vươn tới một tầm mức lớn lao hơn. Điều này đã thể hiện ý thức trau dồi, tôi luyện chính bản thân mình không ngừng nghỉ để hướng tới cái đích cao hơn trong sự nghiệp, trong công việc cũng như trong nhân cách của nhà văn.

7. Ngôn ngữ giàu chất thơ

Xuất thân là một nhà văn chuyên nghiệp, Nguyễn Huy Tưởng tôn trọng ngôn ngữ và trau chuốt ngôn từ, coi đó là một phẩm chất không thể thiếu đối với người yêu văn chương và có lương tâm với nghiệp cầm bút. Không khó để có thể nhận ra chất thơ trong những đoạn ghi chép giàu tính tạo hình, giàu tính thẩm mỹ và giàu nhạc tính của Nguyễn Huy Tưởng. Trong nhật ký của ông, không ít đoạn có kết cấu hài hòa, đăng đối, có ngôn từ trau chuốt mềm mại, không khác gì một bài phú hay văn đối ngẫu. Chẳng hạn: “Thân phận ta sao mà lận đận. Cũng sinh ra là kiếp nam nhi, cũng sinh ra là người học thức. Mà công danh trắc trở, cảnh ngộ gian truân. Đường thế gập ghềnh, luống những đêm ngày khắc khoải, bình sinh chẳng gặp, luống những thời khắc băn khoăn! Kia ngắm trông ra xã hội. Kẻ dốt nghênh ngang, hung đồ gập bước. Mà ngắm lại thân mình thì, ăn chực nằm chờ, nghe lời xia xối; ngoảnh đi ngoảnh lại, bơ vơ là kẻ thơ sinh” (Nhật ký ngày 17 tháng 12 năm 1932); “Giời đổ rét, gió thổi mạnh, nhưng thái dương soi sáng, cây cỏ đua vui, cảnh nhà êm thấm” (Nhật ký ngày 26 tháng 1

năm 1933); “cần phải kiềm chế lòng mình. Vội như chết mà vẫn thản nhiên. Thơ vội đến mà chưa cần bóc. Việc đáng mừng mà không lộ sắc. Việc mong chờ mà không sốt ruột. Việc sốt sắng mà không vội vàng” (Nhật ký ngày 15 tháng 1 năm 1942).

Ngôn ngữ giàu chất thơ còn bộc lộ ở những đoạn tuyệt bút miêu tả cảnh trí non sông đất nước. Chẳng hạn, trên đường đi chiến dịch, ông chăm chú quan sát những cảnh tượng xung quanh để rồi ghi lại vào nhật ký của mình: “Lên dốc mạnh. Đá cuội trắng óng ánh. Vị thế núi đẹp. Mây trắng chắn ngang sườn. Vách đá một bên. Có câu viết trên vách: “Bề ái nguồn ân khôn xiết kể, xa xôi nghỉ mát tí cô oi. Thỉnh thoảng có vôi nước chảy bên đường, trong vắt. Lắm lúc như đi vào đồn điền. Mưa. Lắm lúc toàn hơi nước, xóa hết núi, lờ mờ hình đỉnh núi trong mây” (Nhật ký ngày 24 tháng 7 năm 1950); “Đường đẹp. Đi lạnh. Rừng xù ôn đới sạch sẽ. Núi cao. Phong cảnh thay đổi luôn luôn. Thung lũng sâu, thác chảy bọt trắng xóa. Ve kêu. Có chỗ núi mọc lờm chờm hình tháp bút, xanh sẫm trên những núi đồi màu mạ. Những xe bò nằm rúc trong bụi” (Nhật ký ngày 25 tháng 7 năm 1950); “Những vách núi trông như động chùa. Có chỗ sâu hoắm vào, hai con bò nằm nhai lại. Thỉnh thoảng bên đường, một cô Mán đỏ đứng bán mooc coọc. Mán áo đỏ hôm nay đi nhiều. Đàn bà mặc lờ loét. Đầu cạo trọc, chít khăn vành dây đen đỏ, hai bên cổ áo có những bông đỏ” (Nhật ký ngày 26 tháng 7 năm 1950); “Xa xa, dưới chân: thung lũng. Xanh núi, ruộng mạ, ruộng nâu, nhà lợp ngói xám, đen. Màu sắc rực rỡ. Tài liệu cho sơn dầu. Đèo cao. Đỉnh núi. Giang sơn Mán. Những người Mán đi về, áo xanh, đội khăn, đầu cạo trọc để chòm tóc dài phần nhiều không biết nói tiếng Kinh” (Nhật ký ngày 27 tháng 7 năm 1950).

Những trang nhật ký này đã hé lộ một tâm hồn nghệ sĩ dạt dào xúc cảm, dễ rung động trước cảnh vật non sông. Ông đã miêu tả lại được cái hồn của cảnh vật bằng thứ ngôn ngữ trữ tình, sâu lắng. Thực ra, ngôn ngữ ở đó đã chứa đựng những nguồn năng lượng tiềm ẩn; khi được đặt trong bối cảnh lịch sử nói chung của dân tộc và tiểu sử cá nhân của tác giả thì nó lại phát huy tới đa khả năng biểu cảm, biểu nghĩa.

8. Kết luận

Những trang nhật ký Nguyễn Huy Tường đã thực sự mang lại những giá trị cao quý đáng trân trọng. Sức hấp dẫn từ hơn 1.700 trang nhật ký trước hết là yếu tố ngôn từ. Toát lên trong toàn bộ nhật ký là loại ngôn từ hướng nội, ngôn từ giàu ý nghĩa triết lý, ngôn từ dấn vật tra vấn, ngôn từ giàu chất thơ. Những đặc trưng này đã giúp ta một lần nữa thấy được tính thống nhất trong sự đa dạng của ngôn từ nhật ký Nguyễn Huy Tường, từ đó thấy được tài năng nghệ thuật của ông ngay cả trong những trang viết tự nhiên nhất vốn dĩ không phải là để công bố với bạn đọc.

Tài liệu tham khảo

1. Lại Nguyên Ân (Biên soạn) (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Đức Dũng (2003), *Ký văn học và ký báo chí*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Hà Minh Đức (1980), *Ký viết về chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Trần Đình Sử (Chủ biên), La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam (2008), *Lí luận văn học, phân tác phẩm và thể loại văn học*, t.2, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Huy Thắng (Biên soạn) (2006), *Nguyễn Huy Tường nhật ký, t.I, II, III*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

